

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/HS-ST
Ngày 26/6/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Viện và bà Vũ Thị Lan Anh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Cao Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 26/6/2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2023/TLST-HS, ngày 31/5/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HS, ngày 12/6/2023, đối với bị cáo:

1. **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh B.; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Đức Trọng (đã chết). và con bà Nguyễn Thị Lộc; có vợ: Nguyễn Thị Thủy; có 03 con (con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2007); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2. **Phạm Văn H**, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh B.; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn Tái và con bà Nguyễn Thị Hảo; có vợ: Nguyễn Thị Thu; có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

* Bị hại: Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn Q, xã Q, huyện L, tỉnh B (vắng mặt).

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị D, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn Q, xã Q, huyện L, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI D V U Á N:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 20 phút ngày 10/01/2023, ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1980 cùng ông Đỗ Huy Nhâm, sinh năm 1979 cùng trú tại thôn Q, xã Q, huyện L, tỉnh B đến quán café Goldent của bà Vũ Thị D, sinh năm 1977 ở khu đô thị Phú T An thuộc địa phận thôn N, xã A, huyện T, tỉnh B (nay là khu phố N, phường A, thị xã T, tỉnh B) để uống bia. Khi ông Đ và ông Nhâm đang ngồi uống bia thì có ông Vũ Viết Chiến, sinh năm 1974; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh B đến ngồi uống bia cùng. Cùng thời điểm này Nguyễn Đức T và Phạm Văn H cũng đến quán café Goldent để uống bia. Khi T ra quầy phục vụ để chọn bài hát thì nhìn thấy anh Đ và nói với Đ “ Ông em ở đâu mà nhìn ngon trai thế” thì bị ông Đ chửi “Ổ ẹt mẹ mày”. Thấy ông Đ nói vậy, T không nói gì nữa mà quay lại bàn uống nước với mọi người. Khi về bàn, T nhìn thấy ông Chiến là người cùng thôn đang ngồi uống bia với ông Đ và ông Nhâm nên T sang bàn đó để mời bia và hỏi tại sao lúc đó ông Đ lại chửi T. T mời ông Đ uống bia nH ông Đ không uống. Do bức tức nên T đi ra rủ Phạm Văn H đi đến bàn của ông Chiến, ông Đ và ông Nhâm đang ngồi để nói chuyện. Khi đến bàn khoảng 21 giờ 28 phút, H ngồi xuống cạnh ông Đ còn T đứng nói chuyện chỉ về phía ông Đ và nói “Tại sao vừa nãy anh hỏi chú mà chú lại chửi anh” thì ông Đ nói “Tao chửi đấy mày thích làm gì thì làm”. Lúc này, T dùng tay phải hất chiếc mũ ông Đ đang đội và nói: “Ngửa mặt lên để anh em nói chuyện” thì ông Đ phì hơi thuốc lá về phía mặt của T nên T dùng tay phải cầm 01 cốc thủy tinh trên mặt bàn đập vào vùng mặt bên trái của ông Đ, chiếc cốc bị vỡ làm ông Đ bị thương tích rách da chảy máu thì được ông Nhâm và ông Chiến can ngăn nH T và ông Đ tiếp tục giằng co chửi nhau. Do H là người cùng thôn với T nên H lao vào dùng tay phải đấm 03 phát thì 02 phát trúng vào mặt của ông Đ còn 01 phát không trúng. Ông Chiến và ông Nhâm tiếp tục can ngăn không cho T và H đánh ông Đ nữa. Sau đó, H và T đi ra ngoài đường còn ông Đ được mọi người đưa đi cấp cứu điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh B đến ngày 18/01/2023 ra viện. Ngày 12/01/2023, T đến Công an huyện T đầu thú.

Sau khi nhận được tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã thành lập đoàn khám nghiệm hiện T nơi xảy ra vụ việc kết quả thu giữ: Các mảnh thủy tinh từ chiếc cốc mà T sử dụng đánh gây thương tích cho ông Đ và 01 chiếc cốc thủy tinh cùng loại có đặc điểm cao 14 cm, đường kính đáy cốc 5,5 cm, đường kính miệng cốc 8 cm,.

Theo giấy chứng nhận thương tích số 22 ngày 02/2/2023 của Bệnh viện đa khoa tỉnh B ông Đ có các thương tích: Sung nề, chảy máu vùng mặt đã băng ép, sung nề quanh mắt 02 bên; 01 vết thương vùng má trái 06 cm từ mi dưới mắt trái đến má trái; 01 vết thương má trái đến dưới hàm trái dài 08 cm sâu 0,5 cm, bờ gọn; 01 vết thương má trái đến dái tai dài 06 cm sâu 0,5 cm bờ gọn, vết thương má trái 06 cm sâu 02 cm

bờ vết thương nham nhở; 01 vết thương chân tóc mai trái dài 04 cm sâu 01 cm, bờ gọn; 01 vết thương mi trên mắt phải 2,5 cm sâu 0,5 cm, bờ gọn. 01 vết thương cung mày trái 02 cm sâu 0,5 cm, bờ gọn; 01 vết thương mi trên mắt trái 02 cm, sâu 0,5 cm, bờ gọn. 01 vết thương ngực dài 04 cm, sâu 0,5 cm, bờ gọn. 01 vết thương ngực 01 cm, sâu 0,5 cm, bờ gọn.

Ngày 15/2/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra Quyết định số 51 trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ công an giám định tỷ lệ phần trăm thương tích, cơ chế hình thành thương tích của ông Đ. Tại bản kết luận giám định pháp y thương tích số 974/KL - KTHS ngày 22/2/2023 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an kết luận:

- Sẹo vùng cung mày - mi trên mắt phải không co kéo hở mi kích thước nhỏ: 03 % (áp dụng Mục III.3, chương 10 và nguyên tắc 1,2, Mục I.1 Chương 8)

- Sẹo vùng cung mày trái kích thước nhỏ: 03 % (áp dụng nguyên tắc 1,2 và Mục I.1, Chương 8)

- Sẹo vùng mi trên mắt trái không co kéo hở mi kích thước nhỏ: 03% (áp dụng Mục III.3, Chương 10 và nguyên tắc 1,2 Mục I.1 Chương 8)

- Sẹo vùng mi dưới mắt - má trái không co kéo hở mi kích thước nhỏ: 03 % (áp dụng Mục III.3, Chương 10 và nguyên tắc 1,2, Mục I.1 Chương 8)

- Sẹo vùng thái dương - Chân tóc mai trái kích thước nhỏ: 03 % (áp dụng nguyên tắc 1,2 và Mục I.1 Chương 8)

- Sẹo vùng thái dương - gò má - trước tai trái kích thước nhỏ: 03 % (áp dụng nguyên tắc 1,2 và Mục I.1, Chương 8)

- Sẹo vùng gò má - trước dải tai trái kích thước nhỏ: 03 % (áp dụng nguyên tắc 1,2 và Mục I.1, Chương 8).

- Sẹo vùng má - góc hàm trái kích thước trung bình: 06% (áp dụng nguyên tắc 1,2 và Mục I.2, Chương 8)

- Sẹo vùng giữa ngực kích thước nhỏ: 01 % (áp dụng nguyên tắc 1 và Mục I.1, Chương 8)

- Sẹo vùng ngực trái kích thước nhỏ: 01% (áp dụng nguyên tắc 1 và Mục I.1, Chương 8)

Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại Thông tư số 22 ngày 28/8/2019 của Bộ y Tế, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Đ tại thời điểm giám định là 26%.

Cơ chế hình thành thương tích của ông Đ là do vật có diện tiếp xúc hẹp gây nên.

Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Văn Cương và Nguyễn Văn Tùng đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại bản cáo trạng số: 33/CTr-VKSTT, ngày 26/5/2023 của VKSND thị xã T đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức T và Phạm Văn H phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên toà đã phân tích động cơ, mục đích, nhân thân, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên nội D như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T và Phạm Văn H phạm tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 28 tháng đến 34 tháng tù, nH cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 56 đến 60 tháng.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 24 tháng đến 30 tháng tù, nH cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị HĐXX tịch thu tiêu hủy các mảnh vỡ thủy tinh và 01 thủy tinh có đặc điểm cao 14 cm, đường kính đáy 5,5 cm, đường kính miệng 8 cm.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với bản luận tội của VKS và không có ý kiến gì.

Bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay mặc dù bị hại là ông Nguyễn Văn Đ và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị D đều vắng mặt, nH ông Đ và bà D đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ và ông Đ và Bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của ông Đ và bà D không ảnh hưởng gì đến nội D vụ án nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ và bà D là phù hợp quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức T và Phạm Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 28 phút ngày 10/01/2023, tại quán Café Goldent tại địa phận thôn N, xã A, huyện T (nay là khu phố

N, phường A, thị xã T, tỉnh B).Do có mâu thuẫn cá nhân với ông Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Đức T đã có hành vi dùng tay phải cầm 01 cốc thủy tinh có đặc điểm cao 14 cm, đường kính đáy 5,5 cm, đường kính miệng 8cm đập vào vùng mặt ông Nguyễn Đình Đ làm chiếc cốc bị vỡ, ông Đ bị thương tích rách da chảy máu ở mặt và trên người. Sau đó, Phạm Văn H có hành vi dùng tay nắm 03 phát về phía ông ông Đ trong đó có 2 phát trúng vào mặt của ông Đ còn một phát không trúng). Hậu quả, ông Đ bị thương tích và đã bị tổn hại 26 % sức khỏe. Do vậy, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo đã phạm vào tội "Cố ý gây thương tích" được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Xét thấy Cáo trạng số: 33/CTr-VKS, ngày 26/5/2023 của VKSND thị xã T đã truy tố các bị cáo là đúng như tội danh và điều luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tới khách thể là tính mạng, sức khỏe được luật hình sự bảo vệ. Hành vi của bị cáo cố ý làm mất trật tự tại địa phương; ngoài ra hành vi của các bị cáo còn gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Chính vì vậy, đối với các bị cáo cần xét xử nghiêm bằng chế tài hình sự mới có tác dụng phòng ngừa chung và giáo dục riêng từng bị cáo.

Xét về vai trò của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án có đồng phạm nH chỉ là đồng phạm giản đơn bởi vì: Bị cáo Trương và H đều là bạn, sau khi thấy bị cáo T đánh ông Đ thì bị cáo H cũng tham gia đánh cùng. Tuy nhiên, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhau... Xét thấy, bị cáo T dùng cốc thủy tinh đập vào mặt ông Đ; H chỉ dùng tay không nắm ông Đ. Do vậy, bị cáo T được xác định là người có vai trò chính trong vụ án nên bị cáo T phải chịu hình phạt cao hơn so với bị cáo H.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo thì thấy: Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự nên các bị cáo được xác định là người có nhân thân tốt. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bản thân các bị cáo nhận thức đầy đủ hành vi đánh người là vi phạm pháp luật, nH chỉ vì mâu thuẫn và do không kìm chế được bản thân nên các bị cáo đã phạm tội. Xét thấy, các bị cáo phạm tội lần đầu; tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội biết hành vi của mình là sai nên các bị cáo đã đến nhà ông Đ xin lỗi, bồi thường cho ông Đ số tiền 160.000.000 đồng và ông Đ đã có đơn xin giảm nhẹ TNHS cho các bị cáo; bị cáo H và bị cáo T mỗi người tự nguyện ủng hộ 2.000.000 đồng vào Quỹ Hội nạn nhân chất độc màu da cam. Ngoài ra, đối với bị cáo T biết không thể trốn tránh được sự trừng phạt của pháp luật nên bị cáo đã đến CQĐT đầu thú; bị cáo có bố đẻ được tặng giấy khen do có công giúp Cách mạng Lào thời kỳ 1945 - 1975, có ông bà nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng 3 do có 05 con tòng quân trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Vì vậy, khi lượng hình cần được xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo; xét thấy, không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Do ông Đ không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4]. Về vật chứng của vụ án: Đối với các mảnh vỡ thủy tinh và 01 cốc thủy tinh có đặc điểm cao 14 cm, đường kính đáy 5,5 cm, đường kính miệng 8 cm do CQĐT thu được tại hiện T vụ án; xét thấy, các mảnh vỡ thủy tinh là vật chứng của vụ án và 01 cốc thủy tinh là tài sản của bà Vũ Thị D, nH bà D không nhận, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ.

[5]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T và Phạm Văn H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

* Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 28 (hai mươi tám) tháng tù, nH cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 56 (năm mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 24 (hai mươi bốn) tháng tù, nH cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo T và Hùng cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Trong T hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

* Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ các mảnh vỡ thủy tinh và 01 cốc thủy có đặc điểm cao 14 cm, đường kính đáy 5,5 cm, đường kính miệng 8 cm (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/6/2023 giữa Công an thị xã T với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T).

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Đức T và Phạm Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B.
- VKSND tỉnh B.
- VKSND thị xã T.
- THADS thị xã T.
- Bị cáo.
- UBND xã nơi bị cáo cư trú.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Xuân Hà

